

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim.

2. Bà Nguyễn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh B .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L , tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Linh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh B ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 352/2019/TLST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 13/2020/QĐ-TĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỳ Tín dụng nhân dân Đ .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Trung Lập, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 126, đường T, khu phố 8, thị trấn Đ , huyện L, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Lâm Xuân H , sinh năm 1982; *nơi cư trú:* Số 138, đường Lê Lợi, tổ 6, khu phố 8, thị trấn Đ , huyện L , tỉnh B .

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Kim A , sinh năm 1986; *nơi cư trú:* Tổ 6, thôn 3, xã E , huyện L , tỉnh B .

Tại phiên tòa có mặt ông Lập. Vắng mặt chị A (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 21/5/2020), vắng mặt anh H không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2019, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân Đ (do ông Đỗ Trung Lập làm đại diện theo pháp luật) trình bày: Vào ngày 15/6/2018, Quỹ Tín dụng nhân dân Đ (Sau đây gọi tắt là Quỹ Tín dụng) đã ký kết thỏa thuận cho vay số T18/227/TTCV (có phụ lục hợp đồng kèm theo) với ông Lâm Xuân H , hình thức vay có thể chấp. Theo hợp đồng, ông H vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 11,16%/năm, trả lãi hàng tháng. Trả gốc chia thành 03 kỳ, mỗi kỳ trả 100.000.000 đồng, kỳ 1 trả vào ngày 15/6/2019, kỳ 2 trả vào ngày 15/6/2020, kỳ 3 trả vào ngày 15/6/2021. Mục đích sử dụng tiền vay là để kinh doanh điện dân dụng, mở shop mẹ và bé. Tính đến ngày 21/8/2019, ông H đã trả được cho Quỹ Tín dụng số tiền 91.390.000 đồng (Chín mươi một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 41.390.000 đồng. Sau đó ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến kỳ hạn trả nợ. Hiện nay ông H đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên nên Quỹ Tín dụng yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông Lâm Xuân H phải trả cho Quỹ Tín dụng số tiền nợ vay còn lại 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh quá hạn tạm tính đến ngày 03/7/2020 là 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra, ông H còn phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 04/7/2020 cho đến khi trả xong tiền nợ gốc.

Để đảm bảo cho khoản vay, Quỹ Tín dụng đã nhận thế chấp tài sản của ông H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số T18/227/HĐTC ngày 30/5/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với thửa đất số 419A, tờ bản đồ số 2B, diện tích 299m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK321199, do UBND huyện L cấp ngày 02/5/2012 đứng tên người sử dụng đất ông Lâm Xuân H (bao gồm tài sản gắn liền với đất). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L chứng nhận đăng ký thế chấp. Tại thời điểm vay, ông H đã ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim A , tài sản ông H đã thế chấp là tài sản riêng của ông H , vì vậy Quỹ Tín dụng không yêu cầu bà A phải liên đới cùng ông H trả nợ cho Quỹ Tín dụng. Trường hợp ông Lâm Xuân H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên Quỹ Tín dụng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên biên lấy lời khai của đương sự lập ngày 28/4/2020 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lâm Xuân H trình bày: Anh thừa nhận về số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, mục đích sử dụng tiền vay, số tiền nợ gốc và tiền lãi đã trả theo thỏa thuận cho vay số T18/227/TTCV ngày 15/6/2018 đã ký kết mà người đại diện của nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân Đ trình bày là đúng. Anh và chị Nguyễn Thị Kim A kết hôn năm 2005, đã ly hôn vào năm 2017, khi ly hôn không giải quyết về vấn đề tài sản chung. Đến năm 2018 anh mới vay tiền của Quỹ Tín dụng, vì vậy khoản vay này không liên quan đến chị A. Về tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 419A, tờ bản đồ số 2B, diện tích 299m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK. 321199, cấp ngày 02/5/2012 là tài sản do cha mẹ để thừa kế lại cho anh, vì vậy đây là tài sản riêng của anh. Anh đồng ý trả số tiền nợ vay còn lại là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Anh đang gom tiền để trả cho Quỹ Tín dụng, trong trường hợp anh không trả được nợ thì anh yêu cầu Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều lập ngày 21/5/2020 có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim A trình bày: Chị và anh Lâm Xuân H đăng ký kết hôn vào năm 2008 và đã ly hôn vào năm 2017. Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh H không có tài sản chung. Anh H được cha mẹ của anh H tặng cho quyền sử dụng đối với thửa đất số 419A, tờ bản đồ số 2B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK. 321199, cấp ngày 02/5/2012 đứng tên anh Lâm Xuân H. Thửa đất trên được cấp trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh H, tuy nhiên đây là tài sản riêng của anh H. Năm 2018, anh H thế chấp quyền sử dụng thửa đất nêu trên để vay tại Quỹ Tín dụng nhân dân Đ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), việc này thì chị không biết, đồng thời khoản vay này cũng không liên quan đến chị, vì thửa đất và căn nhà xây trên đất hiện nay là tài sản riêng của anh H. Chị không có ý kiến tranh chấp gì đối với khoản vay và tài sản anh H đã thế chấp tại Quỹ Tín dụng. Chị yêu cầu Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, vì không có thời gian đi lại để tham gia tố tụng, do đó chị đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn anh Lâm Xuân H không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về nội dung: Vào ngày 15/6/2018, ông Lâm Xuân H có vay của Quỹ Tín dụng nhân dân Đ số tiền 300.000.000 đồng, hình thức vay có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất mang tên ông Lâm Xuân H theo hợp đồng thế chấp số T18/227/HĐTC. Kể từ thời điểm vay đến nay, ông H đã trả cho Quỹ Tín dụng số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi là 41.390.000 đồng. Hiện còn nợ gốc và lãi quá hạn là có thật trên thực tế và được hai bên thừa nhận. Tại thời điểm vay tiền, ông H đã ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim A . Bà A thừa nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 419A, tờ bản đồ số 2B mà ông H đã thế chấp cho Quỹ Tín dụng là tài sản riêng của ông H nên việc vay tiền và thế chấp tài sản của ông H không liên quan đến bà A . Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lâm Xuân H phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn cho rằng, anh Lâm Xuân H đã vi phạm hợp đồng tín dụng (thỏa thuận cho vay) số T18/227/TTCV ngày 15/6/2018 nên đến ngày 26/11/2019, nguyên đơn làm đơn khởi kiện tại Tòa án là có căn cứ và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh B .

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lâm Xuân H nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim A vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, được quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình anh Lâm Xuân H phải trả số tiền nợ vay còn lại 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 03/7/2020 là 31.500.000 (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn đã được anh H thừa nhận và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu anh Lâm Xuân H phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét thấy, anh Lâm Xuân H ký kết hợp đồng vào ngày 15/6/2018 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 11,16%/năm, trả lãi hàng tháng. Trả gốc chia thành 03 kỳ, mỗi kỳ trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), kỳ 01 trả vào ngày 15/6/2019, kỳ 02 trả vào ngày 15/6/2020, kỳ 03 trả vào ngày 15/6/2021, tuy nhiên từ ngày 22/8/2019 trở về sau thì anh H không thanh toán đủ số tiền đã thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét về trách nhiệm trả nợ: Anh Lâm Xuân H và chị Nguyễn Thị Kim A kết hôn vào năm 2008, ly hôn vào năm 2017 theo Bản án số 86/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh B . Khi ly hôn anh H và chị A

không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Khoản vay trên phát sinh sau thời điểm anh H và chị A ly hôn, hơn nữa chị A và anh H cũng thống nhất về việc khoản vay này không liên quan đến chị A và quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 419A, tờ bản đồ số 2B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK. 321199 cấp ngày 02/5/2012 mà anh H đã thế chấp cho Quỹ Tín dụng là tài sản riêng của anh H. Đồng thời Quỹ Tín dụng không yêu cầu chị A phải liên đới cùng anh H trả nợ, do đó anh H là người phải có trách nhiệm trả số tiền nợ vay và tiền lãi nêu trên là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[2.4] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp trong trường hợp anh Lâm Xuân H không trả được nợ: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số T18/227/HĐTC ngày 30/5/2018 giữa Quỹ Tín dụng và anh Lâm Xuân H đã được ký kết, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 419A, tờ bản đồ số 2B, diện tích 299m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK. 321199 cấp ngày 02/5/2012 đứng tên người sử dụng đất ông Lâm Xuân H (bao gồm tài sản gắn liền với đất). Hợp đồng thế chấp đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L chứng nhận đăng ký thế chấp vào ngày 14/6/2018. Các bên tham gia hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo đầy đủ yêu cầu của pháp luật do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực, bắt buộc các bên đã ký kết phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, trong trường hợp anh Lâm Xuân H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ Tín dụng thì Quỹ Tín dụng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện L xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh H phải chịu toàn bộ án phí DSST trên số tiền phải trả nợ. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân Đ đối với bị đơn anh Lâm Xuân H .

Buộc anh Lâm Xuân H phải trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân Đ số tiền là 281.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 31.500.000 đồng (lãi tạm tính đến ngày 03/7/2020, có bảng kê gốc + lãi kèm theo).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (thỏa thuận cho vay) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ Tín dụng nhân dân Đ cho vay thì lãi suất mà anh H vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ Tín dụng nhân dân Đ cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ Tín dụng nhân dân Đ cho vay.

Trong trường hợp anh Lâm Xuân H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ Tín dụng nhân dân Đ có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện L xử lý tài sản H đảm thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số T18/227/HĐTC ngày 30/5/2018 để thu hồi khoản nợ.

2/ Về án phí: Buộc anh Lâm Xuân H phải chịu 14.075.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L . Quỹ Tín dụng nhân dân Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 6.494.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003280 ngày 30/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L .

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 03/7/2020, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L ,
- Chi cục THA dân sự huyện L ,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận